

Số: 13/2026/QĐST-DS

Kim Bôi, ngày 04 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 272/2025/TLST-DS ngày 24/12/2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự :

- **Nguyên đơn:** NGÂN HÀNG TMCP V (V1).

Trụ sở: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Vũ Ngọc Q – Chức vụ: Trưởng phòng (Theo văn bản uỷ quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày 28/07/2025 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Người đại diện uỷ quyền tham gia tố tụng: Anh Bùi Văn N – Chuyên viên Xử lý nợ.

Địa chỉ liên hệ: Số F đường C, phường H, tỉnh Phú Thọ.

- **Bị đơn:** Ông **Bùi Văn N1**, sinh năm 1983.

ĐKHKTT: xóm C, xã K, tỉnh Phú Thọ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Bùi Văn N1 có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V (V1) theo 04 Hợp đồng tín dụng không có tài sản bảo đảm số LD2400902439 ký ngày 09/01/2024; Hợp đồng tín dụng số LD2323501021 ký ngày 23/08/2023; Hợp đồng tín dụng số LD2401702140 ký ngày 17/01/2024 và Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng ngân hàng điện tử ký số 220-P- 9690698 ký ngày 23/05/2024, tạm tính đến ngày 27/01/2026 tổng nợ gốc, lãi tất cả các khoản vay là 177.472.671đ (Một trăm bảy mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi một đồng), trong đó:

1, T nợ gốc (Theo hợp đồng số LD2400902439) = 15.753.872 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm năm ba nghìn tám trăm bảy hai đồng).

Tiền lãi (trong hạn) = 1.497.101 đồng (Một triệu bốn trăm chín bảy nghìn một trăm lẻ một đồng).

Tiền lãi (quá hạn) = 684.905 đồng (Sáu trăm tám tư nghìn chín trăm lẻ năm đồng).
Tổng gốc và lãi = 17.935.878 đồng (Mười bảy triệu chín trăm ba lăm nghìn tám trăm bảy tám đồng).

2, T nợ gốc (Theo hợp đồng số LD2323501021) = 44.158.872 đồng (Bốn mươi bốn triệu một trăm năm tám nghìn tám trăm bảy hai đồng).

Tiền lãi (trong hạn) = 5.597.774 đồng (Năm triệu năm trăm chín bảy nghìn bảy trăm bảy mươi tư đồng).

Tiền lãi (quá hạn) = 2.497.909 đồng (Hai triệu bốn trăm chín bảy nghìn chín trăm lẻ chín đồng).

Tổng gốc và lãi = 52.254.556 đồng (Năm mươi hai triệu hai trăm năm tư nghìn năm trăm năm sáu đồng).

3, T nợ gốc (Theo hợp đồng số LD2401702140) = 23.082.744 đồng (Hai mươi ba triệu không trăm tám hai nghìn bảy trăm bốn bốn đồng).

Tiền lãi (trong hạn) = 6.967.506 đồng (Sáu triệu chín trăm sáu bảy nghìn năm trăm lẻ sáu đồng).

Tiền lãi (quá hạn) = 3.202.521 đồng (Ba triệu hai trăm linh hai nghìn năm trăm hai một đồng).

Tổng gốc và lãi = 33.252.771 đồng (Ba mươi ba triệu hai trăm năm hai nghìn bảy trăm bảy một đồng).

4, T nợ gốc thẻ tín dụng (Theo hợp đồng số 220-P-9690698) = 57.783.542 đồng (Năm mươi bảy triệu bảy trăm tám ba nghìn năm trăm bốn hai đồng).

Tiền lãi (trong hạn) = 0 đồng.

Tiền lãi (quá hạn) = 16.245.924 đồng (Mười sáu triệu hai trăm bốn lăm nghìn chín trăm hai tư đồng).

Tổng gốc và lãi = 74.029.466 đồng (Bảy mươi tư triệu không trăm hai chín nghìn bốn trăm sáu sáu đồng).

V1 không yêu cầu tính tiền phạt chậm trả lãi.

Trường hợp ông Bùi Văn N1 không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì V1 được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại tài sản của ông Bùi Văn N1 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V1.

- *Thời hạn và phương thức thanh toán*: Các bên đương sự thống nhất thực hiện theo các quy định của Luật Thi hành án dân sự.

- *Về án phí*: Ông Bùi Văn N1 tự nguyện chịu toàn bộ 4.436.817đ (Bốn triệu bốn trăm ba sáu nghìn tám trăm mười bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.230.000đ (Bốn triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu Tạm ứng án phí số 0007117 ngày 24/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Kể từ ngày 28/01/2026 cho đến khi thi hành án xong người có nghĩa vụ thi hành án còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- - Các đương sự;
- - TAND tỉnh Phú Thọ;
- - VKSND Khu vực 13 – Phú Thọ;
- - Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- - Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Mai Linh